

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS - ST

Ngày: 11-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tiền.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tình

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1436/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Diệp Văn M, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án có bản tự khai như sau: Vào ngày 30/6/2018 anh Nguyễn Thành Đ có cho anh Diệp Văn M vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), hai bên có làm hợp đồng vay và công chứng tại

Văn phòng công chứng Lê Văn Rắc, tỉnh Trà Vinh. Trong hợp đồng vay tiền có điều khoản anh M đồng ý giao tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình cho anh Đ là quyền sử dụng đất thửa đất 1329, tờ bản đồ số 4, diện tích 2280m²; đất tọa lạc tại ấp 4, xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/12/2018; lãi suất các bên thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng, mục đích vay là để anh M lấy vốn làm ăn.

Quá trình vay đến nay, anh M chỉ thanh toán được cho anh Đ tiền lãi từ ngày 30/6/2018 đến 30/11/2018 với số tiền bằng 6.640.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Đến hạn trả nợ, anh Đ nhiều lần yêu cầu anh M trả nợ nhưng anh M cứ hứa lần mà không trả. Do đó, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Diệp Văn M phải trả cho anh Đ số tiền vốn vay bằng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có lời khai xin rút lại yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn Anh Diệp Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt và có tự khai như sau: Vào ngày 30/6/2018 anh Diệp Văn M có vay của anh Nguyễn Thành Đ số tiền vốn là 80.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 2.400.000đồng/tháng/80.000.000 đồng. Từ khi vay, anh M đã đóng lãi cho anh Đ nhiều lần với tổng số tiền bằng 12.000.000 đồng. Nay anh M thống nhất trả cho anh Đ số tiền vốn vay bằng 80.000.000 đồng. Về phần tiền lãi, anh M đã đóng cho anh Đ nhiều nên anh M xin anh Đ không tính lãi nữa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử xét xử vụ án đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ và bị đơn anh Diệp Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành Đ và anh Diệp Văn M.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 30/6/2018 anh Diệp Văn M có vay của anh Nguyễn Thành Đ số tiền vốn 80.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay và có công chứng tại Văn phòng công chứng. Anh Diệp Văn M cũng thừa nhận việc vay này và có tự khai bằng văn bản đồng ý trả anh Đ số tiền vay 80.000.000 đồng. Do đó, anh Đ yêu cầu anh M trả 80.000.000 đồng tiền vốn vay là có căn cứ chấp nhận. Về yêu cầu tính lãi: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật nhưng trong quá trình giải quyết anh Đ có lời khai xin rút yêu cầu tính lãi nên đình chỉ yêu cầu này của anh Đ. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Diệp Văn M phải trả số tiền vay, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”. Mặt khác, anh Diệp Văn M có hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tổng Đ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ và bị đơn anh Diệp Văn Mười M đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng cả anh Đ và anh Mười đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đ và anh M là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu trả số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh Đ và anh M có giao kết với nhau hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2018, hợp đồng được lập thành văn bản và có công chứng tại Văn phòng công chứng; việc ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết được quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015, nên hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ đã giao đủ cho anh M số tiền 80.000.000 đồng nhưng đến hạn trả nợ anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, anh M đã thừa nhận có vay và đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho anh Đ. Do đó, anh Đ yêu cầu anh M trả số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Các bên thỏa thuận mức lãi suất 1,66%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Từ lúc vay đến nay, anh M đã trả tiền lãi cho anh Đ được 05 tháng (kể từ ngày 30/6/2018 đến 30/11/2018) với tổng số tiền bằng 6.640.000 đồng thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Đối với anh M cho rằng đã trả tiền lãi cho anh Đ nhiều lần với tổng số tiền bằng 12.000.000 đồng và xin không phải trả lãi nữa. Tuy nhiên, anh M không có chứng cứ để chứng minh là đã trả cho anh Đ 12.000.000 đồng tiền lãi nên lời khai của anh M không có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ xin rút yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc rút yêu cầu này của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối giải quyết yêu cầu này.

[4] Về phương thức bảo đảm vay tiền: Tại Điều 3 của hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2018, hai bên thỏa thuận: Bên B (Diệp Văn M) đồng ý giao tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình cho bên A (Nguyễn Thành Đ) là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 988807 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 162/QĐ-UBH do Ủy ban nhân dân huyện

Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/6/1996; thửa đất số 1329, tờ bản đồ số 4; địa chỉ thửa đất: Xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; diện tích 2280m²; mục đích sử dụng: Trồng lúa. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản bảo đảm tiền vay nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp là 2.121.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006033 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành Đ.

Buộc anh Diệp Văn M phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thành Đ tổng số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Đình chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật của anh Nguyễn Thành Đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Diệp Văn M phải chịu 4.000.000 đồng. Anh Nguyễn Thành Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Nguyễn Thành Đ số tiền tạm ứng đã nộp là 2.121.000 đồng theo biên lai

thu tiền số 0006033 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai